

Phiên giao dịch ngày: 12/2/2026

| Thông kê thị trường | HOSE        | HNX        |
|---------------------|-------------|------------|
| Index               | 1,814.09    | 256.48     |
| % Thay đổi Index    | ↑ 0.96%     | ↑ 0.24%    |
| KLGD (CP)           | 505,652,490 | 46,439,464 |
| GTGD (tỷ đồng)      | 16,525.78   | 875.23     |
| % Thay đổi GTGD     | -48.53%     | -42.36%    |

**DIỄN BIẾN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG**

Sau khi vượt lên kênh giảm giá ngắn hạn dưới ảnh hưởng tích cực của các cổ phiếu ngân hàng, bất động sản. Thị trường duy trì tăng điểm trong phiên hôm nay với thanh khoản giảm. VNINDEX tạo khoảng trống tăng giá đầu phiên hướng đến vùng giá quanh 1.820 điểm, rung lắc nhẹ trong phiên và tăng điểm cuối phiên. Kết phiên VNINDEX tăng 17,24 điểm (+0,96%) lên mức 1.814,09 điểm, vượt kháng cự tâm lý 1.800 điểm, vùng giá cao nhất 2025. VN30 tăng 15,57 điểm (+0,78%) lên mức 2016,47 điểm, hướng đến vùng giá cao nhất năm 2025 quanh 2.050 điểm

**Diễn biến VN-INDEX**



Độ rộng trên HOSE nghiêng về tích cực với 177 mã tăng giá. Khá nổi bật ở các cổ phiếu bất động sản, cảng biển, khoáng sản, năng lượng...; 135 mã giảm giá, chịu áp lực điều chỉnh ở nhóm bảo hiểm, xây dựng, dệt may..., phân hóa khá mạnh ở nhiều nhóm ngành với áp lực chỉnh tương đối bình thường và 68 mã giữ giá tham chiếu. Thanh khoản thị trường giảm trở lại, khối lượng giao dịch khớp lệnh trên HOSE giảm -44,2% so với phiên trước, chỉ khoảng 50% mức trung bình. Thanh khoản giảm một phần do khối ngoại giảm giao dịch sau khi mua ròng mạnh và nhà đầu tư ngắn hạn giảm giao dịch trước kỳ nghỉ Tết Nguyên đán. Khối ngoại tiếp tục mua ròng trong phiên hôm nay với giá trị 342,4 tỷ đồng trên HOSE.

**Top Giao dịch NĐTNN HOSE (Tỷ đồng)**

|                   |                      |                 |                  |
|-------------------|----------------------|-----------------|------------------|
| VIC<br>201.92 tỷ  | FPT<br>-115.09 tỷ    | EIB<br>53.62 tỷ | GAS<br>-42.05 tỷ |
| ACB<br>-136.50 tỷ | VCB<br>-92.52 tỷ     | MWG<br>51.63 tỷ | KDH<br>41.40 tỷ  |
| GMD<br>115.14 tỷ  | FUEVFNVD<br>83.13 tỷ | MSN<br>49.61 tỷ | BCM<br>-37.64 tỷ |
|                   |                      | NLG<br>47.73 tỷ | HDB<br>34.36 tỷ  |
|                   |                      | VHM<br>45.43 tỷ | STB<br>33.92 tỷ  |

GT Bán: -2500.71      2843.15 : GT Mua

**Biến động nhóm ngành**



Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn 411G2000 kết phiên ở mức 2.021,0 điểm, tăng 0,15% so với phiên trước. Chênh lệch dương thu hẹp còn +4,53 điểm so với VN30 khi đáo hạn trong phiên tiếp theo. Các kỳ hạn 411G3000, 411G6000, 411G90000 chênh lệch dương trái chiều từ +8,53 điểm đến +13,53 điểm. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch giảm mạnh -54,6% so với phiên trước. Các trader giảm mạnh các vị thế đầu cơ trong phiên, tiếp tục nghiêng về VN30 phục hồi. Xu hướng ngắn hạn 411G2000 tiếp tục phục hồi kiểm tra vùng kháng cự quanh 2.040 điểm. Khối lượng mở OI kỳ hạn 411G2000 là 36.593, giảm vị thế nắm giữ khi sẽ đáo hạn trong phiên tiếp theo.

**Phân Tích Kỹ Thuật VN-INDEX**



Xu hướng ngắn hạn VNINDEX vượt lên kênh giảm giá ngắn hạn và vùng giá cao nhất năm 2025, tiếp tục phục hồi lên vùng giá quanh 1.825 điểm, tương ứng giá trung bình 20 phiên hiện nay. Trường hợp tích cực VNINDEX có thể tiếp tục hướng đến vùng giá quanh 1.850 điểm. Ảnh hưởng tích cực phần lớn đến từ các cổ phiếu Vin Group trong khi thanh khoản đa phần các nhóm cổ phiếu khác suy giảm. Trong đó VIC đang phục hồi lên lại vùng đỉnh cũ tương ứng 170 -190.

Sau phiên giao dịch khá bùng nổ, thị trường đã giao dịch chậm lại. Thanh khoản giảm mạnh, khối lượng giao dịch khớp lệnh chỉ 449 triệu cổ phiếu/HOSE, mức thấp nhất kể từ phiên giao dịch ngày 10/04/2025. Điều này phản ánh tâm lý thận trọng, giảm mạnh giao dịch của nhà đầu tư trước kỳ nghỉ lễ kéo dài. Đây là diễn biến tương đối bình thường và nhà đầu tư có thể chờ thanh khoản thị trường ổn định trở lại sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán để đánh giá, xem xét các vị thế đầu tư mới. Dựa trên kỳ vọng mới, tăng trưởng GDP quý I/2026 có thể đạt 10% như mục tiêu, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp tiếp tục tăng trưởng và kỳ vọng vào thông tin nâng hạng thị trường.

Nhà đầu tư duy trì tỉ trọng hợp lý. Mục tiêu đầu tư hướng tới các mã có nền tảng cơ bản tốt, đầu ngành trong các ngành chiến lược, tăng trưởng vượt trội của nền kinh tế.

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỠI

| Mã  | Giá hiện tại<br>(1.000đ) | Vùng mua<br>dự kiến<br>(1.000 đ) | Giá mục tiêu<br>(1.000 đ) | Giá dừng lỗ<br>(1.000đ) | Thông số cơ bản |                       |                       | Điều kiện giải ngân |
|-----|--------------------------|----------------------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|---------------------|
|     |                          |                                  |                           |                         | P/E             | T.trưởng<br>Doanh thu | T.trưởng Lợi<br>nhuận |                     |
| FRT | 167.00                   | 148-151                          | 175-180                   | 140                     | 35.8            | 30.3%                 | 160.6%                | Theo dõi giao dịch  |
| VTP | 102.00                   | 107-109                          | 130-132                   | 102                     | 30.7            | 3.7%                  | 17.3%                 | Theo dõi giao dịch  |
| DPM | 25.00                    | 24-25.2                          | 27.5-28                   | 23                      | 15.8            | 7.9%                  | 1248.0%               | Theo dõi giao dịch  |
| CTD | 81.50                    | 80-82                            | 95-100                    | 75                      | 11.0            | 45.3%                 | 117.8%                | Theo dõi giao dịch  |
| VPB | 28.25                    | 27-28                            | 31.5-32.5                 | 26                      | 9.3             | 36.2%                 | 72.3%                 | Theo dõi giao dịch  |

## BẢNG ĐỊNH LƯỢNG TƯƠNG QUAN CÁC NHÓM NGÀNH

| Xu Hướng                        | Thông Số | Bất Động Sản      | Cảng- Vận tải    | Cao Su TN         | Chứng Khoán     | Công Nghệ-Viện Thông | Dầu Khí            | Dệt May-Da Giày   | Khu Công Nghiệp |
|---------------------------------|----------|-------------------|------------------|-------------------|-----------------|----------------------|--------------------|-------------------|-----------------|
| Trung dài hạn                   |          | Tang Truong       | Tang Truong      | Tang Truong       | Tang Truong     | Tang Truong          | Tang Truong        | Tang Truong       | Tang Truong     |
| Ngắn trung hạn                  |          | Phuc Hoi          | Tang Truong      | Tich Luy          | Tich Luy        | Tich Luy             | Dieu Chinh         | Tang Truong       | Tich Luy        |
| Dòng tiền trung hạn             |          | Tich Luy          | Duong_Tang       | Tich Luy          | Am_Tang         | Tich Luy             | Duong_Tang         | Duong_Tang        | Duong_Tang      |
| Hệ số VIX (normal - 200 > +200) |          | 124.3             | -302.4           | 86.9              | 143.0           | 116.3                | -93.7              | 10.0              | 111.6           |
| Tương quan-VNINDEX              |          | Tốt hơn-Kém hơn   | Tốt hơn-Mạnh hơn | Không đổi-Kém hơn | Tốt hơn-Kém hơn | Yếu hơn-Mạnh hơn     | Không đổi-Mạnh hơn | Yếu hơn-Kém hơn   | Yếu hơn-Kém hơn |
| Cổ phiếu TOP                    |          | VIC<br>VPI        | GMD<br>DXP       | BRR<br>RTB        | SSI<br>BMS      | VGI<br>FOX           | PVD<br>PVS         | GTD<br>BMG        | IDC<br>GVR      |
| Xu Hướng                        | Thông Số | Bảo Hiểm          | Bán Lẻ           | Thép              | Thủy Sản        | Xây Dựng-VLXD        | Ngân Hàng          | Phân Bón-Hóa Chất | Hàng Không      |
| Trung dài hạn                   |          | Tang Truong       | Tang Truong      | Tang Truong       | Tich Luy        | Tich Luy             | Tang Truong        | Tich Luy          | Dieu Chinh      |
| Ngắn trung hạn                  |          | Tang Truong       | Tang Truong      | Tich Luy          | Tich Luy        | Tich Luy             | Tich Luy           | Tich Luy          | Suy Giam        |
| Dòng tiền trung hạn             |          | Am_Giam           | Am_Giam          | Am_Giam           | Am_Giam         | Am_Giam              | Am_Tang            | Am_Tang           | Tich Luy        |
| Hệ số VIX (normal - 200 > +200) |          | -167.5            | -108.4           | 61.5              | 73.6            | 267.6                | 270.1              | -305.9            | 360.3           |
| Tương quan-VNINDEX              |          | Yếu hơn-Mạnh hơn  | Tốt hơn-Mạnh hơn | Không đổi-Kém hơn | Yếu hơn-Kém hơn | Yếu hơn-Kém hơn      | Yếu hơn-Kém hơn    | Yếu hơn-Kém hơn   | Yếu hơn-Kém hơn |
| Cổ phiếu TOP                    |          | BVH<br>PRE        | PNJ<br>MWG       | POM<br>TVN        | MPC<br>FMC      | PC1<br>TV2           | MBB<br>STB         | BFC<br>DPM        | SAS<br>VJC      |
| Xu Hướng                        | Thông Số | Điện              | Nông Nghiệp      | Dược              | VNIndex         | VN30                 | HNXIndex           | UPCOM             | % Ngành tăng    |
| Trung dài hạn                   |          | Tang Truong       | Tang Truong      | Tang Truong       | Tang Truong     | Tang Truong          | Tich Luy           | Tang Truong       | 78              |
| Ngắn trung hạn                  |          | Suy Giam          | Tich Luy         | Tang Truong       | Suy Giam        | Suy Giam             | Tich Luy           | Tich Luy          | 22              |
| Dòng tiền trung hạn             |          | Tich Luy          | Am_Tang          | Duong_Tang        | Am_Tang         | Am_Tang              | Am_Tang            | Tich Luy          | 30              |
| Hệ số VIX (normal - 200 > +200) |          | 278.7             | 147.3            | -233.6            | 156.1           | 142.3                | 25.5               | 24.7              | 13              |
| Tương quan-VNINDEX              |          | Không đổi-Kém hơn | Yếu hơn-Kém hơn  | Tốt hơn-Kém hơn   | 62              | Tốt hơn-Kém hơn      | Tốt hơn-Kém hơn    | Yếu hơn-Mạnh hơn  |                 |
| Cổ phiếu TOP                    |          | PC1<br>NT2        | PAN<br>ANV       | DCL<br>MKV        |                 |                      |                    |                   |                 |

## TIN NỔI BẬT

Sáng ngày 11/02/2026, UBND TPHCM đã tổ chức Lễ ra mắt Trung tâm Tài chính Quốc tế Việt Nam tại TPHCM (VIFC-HCMC). Sự kiện đánh dấu thời điểm Trung tâm chính thức đi vào vận hành, mở ra giai đoạn phát triển mới trong tiến trình hội nhập tài chính quốc tế của Việt Nam.

### Thủ tướng Phạm Minh Chính: Thể chế, mô hình và điều hành là 3 chìa khóa mở đường cho Trung tâm Tài chính Quốc tế tại Việt Nam

Thủ tướng cho biết nhiệm vụ xây dựng Trung tâm Tài chính Quốc tế là vô cùng khó khăn, phức tạp, đòi hỏi 3 yếu tố then chốt. Thứ nhất là thể chế phải vượt trội, cạnh tranh được với các trung tâm khác. Thể chế này phải bắt nguồn từ chính thực tiễn vướng mắc của chúng ta và sự học hỏi kinh nghiệm quốc tế. Lãnh đạo các nước như Singapore, Trung Quốc đều sẵn sàng chia sẻ với chúng ta vì họ tin tưởng vào sự ổn định chính trị và tiềm năng của Việt Nam. Thứ hai, mô hình phải độc đáo, khác biệt nhưng phù hợp với văn hóa và thực tiễn Việt Nam. Thứ ba, điều hành phải thực sự thông minh, linh hoạt, hiệu quả.

Một xu hướng mới đang nổi lên trên Phố Wall: "Mua cổ phiếu ở mọi nơi trừ Mỹ". Sau nhiều năm đặt cược lớn vào các gã khổng lồ công nghệ Mỹ, các nhà đầu tư đang dần chuyển hướng sang thị trường quốc tế, đánh cược rằng khoảng cách dẫn trước áp đảo của Mỹ so với phần còn lại thế giới sẽ thu hẹp

### Giới đầu tư rời Mỹ để săn lùng cổ phiếu rẻ trên toàn cầu

Sự chuyển hướng này được thúc đẩy bởi nhiều yếu tố tích cực từ nước ngoài: Từ gói kích thích tài khóa ở Nhật Bản đến sự bùng nổ chỉ tiêu quốc phòng ở châu Âu. Một số nhà giao dịch đơn giản đang tìm kiếm những cơ hội tốt hơn so với những cổ phiếu đắt đỏ tại thị trường Mỹ. Nhiều chỉ số toàn cầu đã vượt qua các chỉ số chuẩn của Mỹ trong năm 2026, bao gồm Stoxx Europe 600 của châu Âu, KOSPI của Hàn Quốc và Chỉ số Thị trường Mới nổi MSCI. Xu hướng này đang tăng tốc mạnh mẽ. Dữ liệu từ Morningstar Direct cho thấy các nhà đầu tư đã đổ rông 51,6 tỷ USD vào các quỹ ETF cổ phiếu quốc tế chỉ riêng trong tháng 1. Dòng vốn hàng tháng đã tăng vọt kể từ cuối năm 2024.

Theo kết quả review quý 1/2026 (công bố rạng sáng ngày 11/02/2026), rổ chỉ số MSCI Frontier Markets Small Cap Index đã thêm vào 22 và loại đi 5 mã cổ phiếu. Trong số những cái tên được thêm vào, Việt Nam đóng góp tới 9 đại diện và loại 2.

### MSCI Frontier Markets Small Cap Index thêm 9, loại 2 cổ phiếu Việt

Cụ thể, rổ Small Cap bổ sung C69, CKG, DLG, EVF, HAP, KOS, NKG, SMC, và IDV. Trong đó, KOS và NKG là chuyển sang từ rổ MSCI Frontier Market Index. Chiều ngược lại, L40 và TTA bị loại ra. Đáng chú ý, L40 chỉ mới được thêm vào rổ tại kỳ review trước đó (quý 4/2025). Dù vẫn là nước chiếm tỷ trọng lớn nhất (tại ngày 30/01/2026) với tỷ lệ 25,88%, nhưng Việt Nam không đóng góp đại diện nào trong top 10 tỷ trọng của rổ này. Các thay đổi sẽ có hiệu lực vào ngày 27/02 và chính thức được giao dịch từ 02/03

Tổ chức các Nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) ngày 11/2 dự báo nhu cầu toàn cầu đối với dầu thô từ khối này và các đối tác, gọi chung là OPEC+, sẽ giảm 400.000 thùng/ngày trong quý 2/2026 so với quý trước đó.

### OPEC: Nhu cầu dầu thô thế giới sẽ giảm 400.000 thùng một ngày trong quý 2

Theo báo cáo thị trường dầu mỏ hàng tháng vừa được công bố, nhu cầu thế giới đối với dầu thô của OPEC+ dự kiến đạt trung bình 42,20 triệu thùng/ngày trong quý 2/2026, giảm từ mức 42,60 triệu thùng/ngày của quý 1/2026. Về năng lực cung ứng thực tế, sản lượng của OPEC+ trong tháng 1/2026 đạt 42,45 triệu thùng/ngày, giảm 439.000 thùng/ngày so với tháng 12/2025. Theo báo cáo, sự sụt giảm này chủ yếu do sản lượng tại Kazakhstan, Nga, Venezuela và Iran đều đi xuống. Dự kiến, OPEC sẽ họp vào ngày 1/3 tới để quyết định liệu có tiếp tục tăng sản lượng dầu từ tháng 4/2026 hay không.

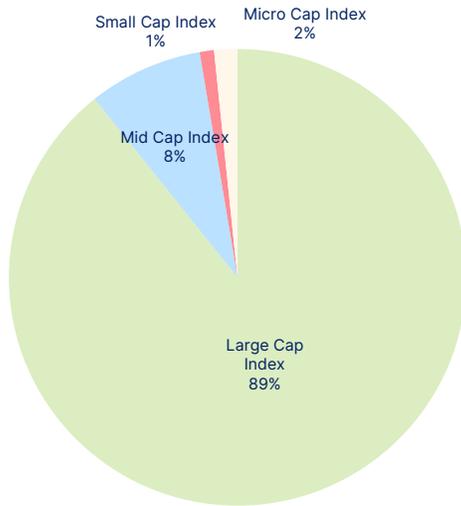
HDQT CTCP Chứng khoán LPBank (LPBS) vừa ra Nghị quyết thông qua phương án chi tiết phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO), đáng chú ý mức giá được xác định là 30.000 đồng/cp, tương ứng định giá khoảng 1,6 tỷ USD.

### LPBS công bố giá IPO 30.000 đồng/cp, định giá 1,6 tỷ USD

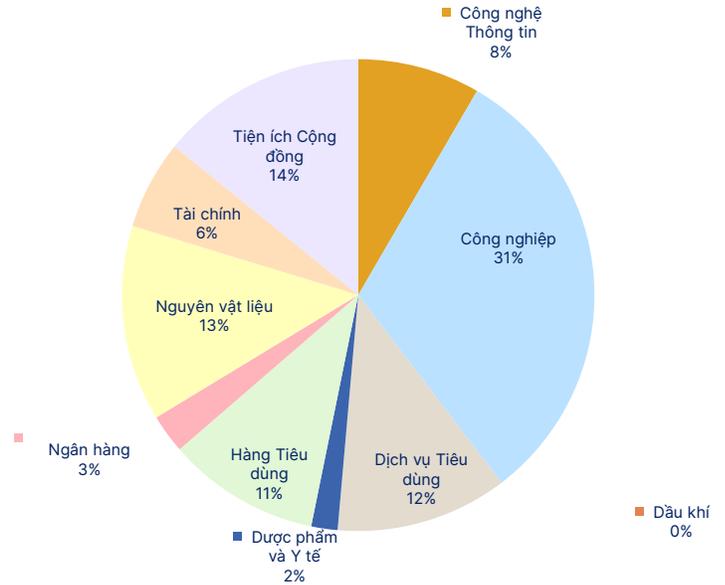
Theo kế hoạch, LPBS sẽ IPO trong giai đoạn từ quý 1-3 năm nay, với số lượng tối đa 141,868 triệu cp (tỷ lệ gần 11,2% lượng cổ phiếu lưu hành). Nếu thực hiện thành công, Công ty sẽ nâng quy mô từ gần 1,27 tỷ cp hiện tại lên tối đa gần 1,41 tỷ cp, tương ứng vốn điều lệ gần 14,1 ngàn tỷ đồng. Như vậy, LPBS đã trở thành công ty chứng khoán đầu tiên kích hoạt thị trường IPO của ngành chứng khoán ngay đầu năm 2026, sau khi vừa trải qua giai đoạn cuối năm 2025 đầy sôi động với 3 thương vụ đình đám của Chứng khoán Kỹ Thương (TCX), Chứng khoán VPBank (VPX) và Chứng khoán VPS (VCK).

## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH HOSE

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm ngành



Top vốn hóa

| Mã  | KLGD      | ROE   | EPS    | P/E  | P/B |
|-----|-----------|-------|--------|------|-----|
| VIC | 1,162,069 | 8.8%  | 1,739  | 86.7 | 7.7 |
| VCB | 540,612   | 16.6% | 4,210  | 15.4 | 2.4 |
| VHM | 423,063   | 17.5% | 10,008 | 10.3 | 1.7 |
| BID | 340,536   | 18.8% | 4,278  | 11.3 | 2.0 |
| CTG | 294,367   | 21.1% | 4,454  | 8.5  | 1.6 |

Top KLGD lớn nhất

| Mã  | KLGD       | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| SHB | 41,548,765 | 19.1% | 2,614 | 5.9  | 1.0 |
| EIB | 32,801,410 | 4.4%  | 610   | 35.1 | 1.5 |
| MBB | 28,098,840 | 20.7% | 3,325 | 8.7  | 1.6 |
| VIX | 20,660,719 | 24.1% | 2,766 | 8.0  | 1.7 |
| ACB | 17,478,735 | 17.6% | 3,042 | 7.8  | 1.3 |

Top 5 cổ phiếu tăng giá

| Mã  | +/-%   | ROE   | EPS    | P/E  | P/B |
|-----|--------|-------|--------|------|-----|
| VVS | ↑ 7.0% | 64.6% | 15,160 | 6.8  | 3.4 |
| VTB | ↑ 6.9% | 8.9%  | 1,555  | 9.7  | 0.9 |
| HRC | ↑ 6.9% | 5.9%  | 1,194  | 25.5 | 1.5 |
| BFC | ↑ 6.9% | 19.3% | 5,421  | 10.4 | 1.9 |
| TMT | ↑ 6.6% | 43.7% | 1,702  | 7.1  | 2.5 |

Top 5 cổ phiếu giảm giá

| Mã  | +/-%    | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| TDW | ↓ -7.0% | 23.9% | 7,105 | 6.5  | 1.5 |
| TMP | ↓ -6.2% | 19.6% | 4,517 | 13.6 | 2.5 |
| SVI | ↓ -5.7% | 3.1%  | 2,127 | 17.4 | 0.5 |
| VPH | ↓ -4.4% | -1.9% | (208) | -    | 0.4 |
| TN1 | ↓ -3.8% | 26.0% | 4,480 | 3.8  | 0.9 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng

| Mã      | KL mua    | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|---------|-----------|-------|-------|------|-----|
| EIB     | 2,401,531 | 4.4%  | 610   | 35.1 | 1.5 |
| UEVFNVI | 2,069,300 | N/A   | N/A   | N/A  | N/A |
| NLG     | 1,620,472 | 4.8%  | 1,806 | 16.0 | 0.9 |
| GMD     | 1,562,134 | 11.7% | 3,985 | 17.9 | 2.0 |
| KDH     | 1,456,800 | 5.2%  | 943   | 30.3 | 1.5 |

Top KLGD NĐT nước ngoài bán ròng

| Mã  | KL bán      | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|-------------|-------|-------|------|-----|
| ACB | (5,749,429) | 17.6% | 3,042 | 7.8  | 1.3 |
| VCB | (1,425,830) | 16.6% | 4,210 | 15.4 | 2.4 |
| FPT | (1,166,201) | 23.6% | 5,511 | 17.9 | 3.8 |
| GVR | (707,177)   | 9.3%  | 1,406 | 25.1 | 2.3 |
| BCM | (597,500)   | 15.9% | 3,370 | 19.2 | 2.9 |

**Website:** [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Trưởng BP Chiến lược Thị trường**

**Phan Tân Nhật**

[Nhat.pt@shs.com.vn](mailto:Nhat.pt@shs.com.vn)

**Vĩ Mô**

**Chuyên viên: Vũ Tuấn Duy**

[Duy.vt@shs.com.vn](mailto:Duy.vt@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Trung Tâm Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Số 43 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội  
Tel: (84-24)-3818 1888  
Fax: (84-24)-3818 1688.  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hà Nội**

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội  
Tel: (84-24)-3818 1888  
Fax: (84-24)-3818 1688.  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC, số 36 Bùi Thị Xuân, P. Bến Thành, TP.HCM  
Tel: (84-8)-3915 1368  
Fax: (84-8)-3915 1369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 2, Tòa nhà SHB Đà Nẵng, số 06 Nguyễn Văn Linh, Phường Hải Châu, Tp. Đà Nẵng  
Tel: (84-511)-352 5777  
Fax: (84-511)-352 5779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)